

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 122/TĐĐNI-KTAT ngày 23 tháng 01 năm 2025 về việc hiệu chỉnh, bổ sung và hoàn thiện nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Nhà máy Thủy điện Đại Ninh của Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 - Công ty Thủy điện Đại Ninh và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 - Công ty Thủy điện Đại Ninh, địa chỉ tại thôn Ninh Hòa, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường cho Cơ sở “Nhà máy thủy điện Đại Ninh”, địa chỉ tại xã Ninh Gia, xã Phú Hội, xã Tà Hine, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng và xã Phan Lâm, xã Phan Sơn, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận với các nội dung sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy thủy điện Đại Ninh.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Ninh Gia, xã Phú Hội, xã Tà Hine, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng và xã Phan Lâm, xã Phan Sơn, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh: 5701662152-002 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 10/01/2013, thay đổi lần thứ 3 ngày 05/12/2022, hoạt động theo uỷ quyền của doanh nghiệp là Tổng công ty phát điện 1.

1.4. Mã số thuế: 5701662152-002

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Thủy điện.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).
- Tổng diện tích của cơ sở: 600,62 ha.
- Công suất phát điện: 300 MW.
- Quy trình công nghệ thủy điện: Nước từ hồ chứa nước → Cửa lấy nước → Đường hầm dẫn nước → Tháp điều áp → Đường ống áp lực → 02 tua bin phát điện → Trạm biến áp → Trạm phân phối điện → Lưới điện quốc gia.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 - Công ty Thủy điện Đại Ninh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 - Công ty Thủy điện Đại Ninh có trách nhiệm:
 - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
 - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
 - 2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
 - 2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.
 - 2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm.**

(từ ngày tháng năm 2025 đến ngày tháng năm 2032).

Các giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Bình Thuận (để phối hợp chỉ đạo);
- UBND tỉnh Lâm Đồng (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng;
- Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty Thủy điện Đại Ninh;
- Lưu: VT, KSONMT, VC(11).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực nhà quản lý vận hành.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực nhà máy.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực trạm phân phối.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực đập tràn.
- Nguồn số 05: Nước thải lần đầu phát sinh khi xảy ra sự cố máy biến áp (phát sinh không thường xuyên, được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định, không xả ra môi trường).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

STT	Dòng thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Tọa độ vị trí xả thải
1	Dòng nước thải số 01 (tương ứng nguồn số 01): Nước thải sinh hoạt sau xử lý tại cụm bể xử lý nước thải 05 ngăn của khu vực Nhà quản lý vận hành.	Khe nước tự nhiên tại khu vực xã Phan Lâm, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, sau đó tự chảy hồ chứa thủy điện Bắc Bình.	X = 1268634; Y = 484116
2	Dòng nước thải số 02 (tương ứng từ nguồn số 02 đến nguồn số 04): Nước thải sinh hoạt sau xử lý tại cụm bể xử lý nước thải 05 ngăn của khu vực Nhà máy.	Khe nước tự nhiên tại khu vực xã Phan Lâm, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, sau đó tự chảy hồ chứa thủy điện Bắc Bình.	X= 1268712; Y= 484171

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108°30', múi giờ 3°)

- Điểm xả nước thải sau xử lý vào môi trường tiếp nhận phải có biển báo, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

2.2. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 9 m³/ngày (24 giờ), trong đó:

- Dòng nước thải số 01: 4,5 m³/ngày.đêm.
- Dòng nước thải số 02: 4,5 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.2.2. Chế độ xả thải: Xả liên tục

2.2.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K = 1,2), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	36		
3	TDS	mg/l	600		
4	TSS	mg/l	60		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	6		
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	36		
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	7,2		
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12		
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6		
11	Coliforms	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ nguồn số 01 được thu gom, xử lý như sau:

+ Nước thải từ nhà ăn của nhà quản lý vận hành được thu gom về bể tách dầu mỡ sau đó dẫn qua hệ thống xử lý nước thải số 01 có công suất thiết kế 4,5 m³/ngày để xử lý.

+ Nước thải từ nhà vệ sinh (bồn cầu) được thu gom bằng đường ống PVC dẫn về hệ thống xử lý nước thải số 01 có công suất thiết kế 4,5 m³/ngày để xử lý.

- Nước thải từ nguồn số 02 đến nguồn số 04 được thu gom, xử lý như sau:

+ Nước thải từ khu vực nhà máy được thu gom bằng ống PVC dẫn về hệ thống xử lý nước thải số 02 có công suất thiết kế 4,5 m³/ngày để xử lý.

+ Nước thải từ nhà vệ sinh (bồn cầu) tại khu vực trạm phân phối và khu vực đập tràn được thu gom bằng đường ống PVC dẫn về 02 bể tự hoại 03 ngăn (kích thước lần lượt: 1,69m x 1,54m x 1,48m và 1,8m x 0,8m x 1,44m) được bơm lên bồn chứa 1m³ và vận chuyển về hệ thống xử lý nước thải số 02 có công suất thiết kế 4,5 m³/ngày để xử lý.

- Nước thải từ nguồn số 05 được thu gom, xử lý như sau:

Nước lẫn dầu khi xảy ra sự cố máy biến áp được thu gom về hồ thu nước thải lẫn dầu để lưu chứa và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định. Hồ thu nước lẫn dầu có 2 ngăn được xây dựng bằng bê tông cốt thép. Ngăn 1 có kích thước 5m x 4,6m x 2,4m; ngăn 2 có kích thước 5m x 1m x 2,4m. Tổng thể tích 2 ngăn là 67,2m³.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt:

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt tại khu nhà quản lý vận hành:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt và nước thải nhà ăn (sau khi tách dầu mỡ) → Bể tiền phân hủy → Bể tiếp nhận → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng kết hợp khử trùng → Khe nước tự nhiên tại khu vực và đổ ra hồ chứa thủy điện Bắc Bình.

+ Công suất thiết kế: 4,5 m³/ngày.

+ Hóa chất sử dụng: Clorine.

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt tại nhà máy:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể tiền phân hủy → Bể tiếp nhận → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng kết hợp khử trùng → Khe nước tự nhiên tại khu vực và đổ ra hồ chứa thủy điện Bắc Bình.

+ Công suất thiết kế: 4,5 m³/ngày.

+ Hóa chất sử dụng: Clorine.

1.2.2. Công trình xử lý nước thải sản xuất:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải lẫn dầu khi có sự cố máy biến áp → Hồ thu nước thải lẫn dầu máy biến áp → Đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Hóa chất sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: Không thuộc đối tượng.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, hệ thống thu gom nước thải lẫn dầu theo đúng quy trình kỹ thuật.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hoặc thay thế máy móc, thiết bị xuống cấp.

- Bố trí công nhân theo dõi, vận hành hệ thống theo đúng quy trình.

- Đối với sự cố do vỡ, hỏng, rò rỉ đường ống thu gom sẽ tạm ngừng vận hành các công trình xử lý nước thải để khắc phục sự cố trong thời gian sớm nhất.

- Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, dừng vận hành các công trình xử lý nước thải để tìm hiểu nguyên nhân và có biện pháp khắc phục kịp thời, đảm bảo nước thải sau xử lý đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải ra môi trường.

2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước rò rỉ qua tổ máy:

Nhà máy thủy điện Đại Ninh có thiết kế là loại tuabin xung kích (tuabin gáo) bánh xe công tác được đặt ở cao trình 210 m; mực nước hạ lưu ở cao trình 205 m. Do đó, nhà máy không phát sinh nước rò rỉ và nguy cơ phát sinh nước thải lẫn dầu từ nước rò rỉ.

3. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

3.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

3.2. Công trình, thiết bị nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Công trình xử lý nước thải sinh hoạt tại khu nhà quản lý vận hành và công trình xử lý

nước thải sinh hoạt tại nhà máy.

3.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 vị trí tại điểm xả nước thải sau xử lý của dòng nước thải số 01 (khu vực nhà quản lý vận hành);

- 01 vị trí tại điểm xả nước thải sau xử lý của dòng nước thải số 02 (khu vực nhà máy).

3.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm, cụ thể như sau:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 - Công ty Thủy điện Đại Ninh phải giám sát các chất ô nhiễm và đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2.3 Phần A Phụ lục này.

3.3. Tần suất lấy mẫu:

Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, việc quan trắc chất thải do chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

4.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

4.2. Nước làm mát cho hệ thống nước tuần hoàn, nước xả từ quá trình xả đáy bộ lọc thô của hệ thống cấp nước giải nhiệt cho hệ thống nước tuần hoàn không tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng trong các công đoạn sản xuất được xả theo kênh xả tự chảy về hồ chứa thủy điện Bắc Bình; chất lượng nước xả phụ thuộc vào chất lượng nước trong hồ. Bộ lọc dùng để tách rác có trong nước hồ trước khi vào bộ trao đổi nhiệt nhằm hạn chế tắc nghẽn đường nước vào bộ trao đổi nhiệt, rác sau khi được tách được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

4.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP). Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

4.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

4.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành công trình xử lý nước thải.

4.6. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

4.7. Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 - Công ty Thủy điện Đại Ninh chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực đặt 02 tổ máy phát điện.
- Nguồn số 02: Khu vực máy biến áp.
- Nguồn số 03: Khu vực trạm phân phối điện.
- Nguồn số 04: Khu vực máy nén khí.
- Nguồn số 05: Máy phát điện dự phòng tại khu vực nhà máy.
- Nguồn số 06: Máy phát điện dự phòng tại khu vực đập tràn.
- Nguồn số 07: Máy phát điện dự phòng tại khu vực cửa lấy nước.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ: X = 1268812; Y = 484222.
- Nguồn số 02: Tọa độ: X = 1268775; Y = 484263.
- Nguồn số 03: Tọa độ: X = 1268363; Y = 483953.
- Nguồn số 04: Tọa độ: X = 1268814; Y = 483224.
- Nguồn số 05: Tọa độ: X = 1268821; Y = 484256.
- Nguồn số 06: Tọa độ: X = 1288276; Y = 480222.
- Nguồn số 07: Tọa độ: X = 1268360; Y = 483966.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, vĩ chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- 1.1. Sử dụng đệm cao su chống ồn được lắp tại chân của máy móc thiết bị.
- 1.2. Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ mòn chi tiết định kỳ.
- 1.3. Định kỳ kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH):

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Các thiết bị, linh kiện nguy hại khác với các loại trên	15 01 09	85
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	160
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	16 01 13	210
4	Các loại dầu thủy lực thải khác	17 01 07	783
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	5
6	Các loại dầu truyền nhiệt và cách điện thải khác	17 03 05	545
7	Ắc quy chì thải	19 06 01	205
	TỔNG KHỐI LƯỢNG		1.993

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại	07 03 10	75
2	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	01
3	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	07 04 02	0,5
4	Cặn sơn, sơn và véc ni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 01 01	180
5	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	50
6	Bao bì cứng thải (không chứa hoá chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ)	14 01 06	5

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	90
	TỔNG KHỐI LƯỢNG		401,5

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn, cặn, đất, cát các loại từ quá trình vệ sinh tuabin, thiết bị đường ống trong nhà máy	50
2	Bùn từ bể tự hoại, cặn từ quá trình vệ sinh mương thoát nước	100
3	Cát lọc nước magan (Sand filter mangan)	300
4	Hạt khử sắt Birm (tỷ trọng 800g/lít)	80
5	Cát lọc nước tự nhiên, kích thước hạt 4-8mm	300
6	Cation CSA121-veolia (tỷ trọng 800g/lít)	80
7	Đá sỏi lọc nước tự nhiên, kích thước hạt 8-15mm	100
8	Than lọc nước hoạt tính: 4-8 mesh	400
	TỔNG KHỐI LƯỢNG	1.410

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: **4,8 tấn/năm**.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng phuy sắt và thùng nhựa, có dấu hiệu phân biệt và cảnh báo.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Số lượng: 01.

- Diện tích: 32 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho kín có tường xây bằng gạch, mái tôn, nền bê tông chống thấm, bên trong có bố trí rãnh thu gom chất thải lỏng rơi vãi, có gờ chống tràn, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Bao tải, thùng nhựa có nắp đậy.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thùng nhựa có nắp đậy.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật;

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường;

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP) và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP);

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN:

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường được phê duyệt tại Quyết định số 2526/QĐ-BKHCMNT ngày 30/12/1998 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Tài nguyên và Môi trường) về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Công trình thủy điện Đại Ninh”; không còn hạng mục, công trình sản xuất, bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Phối hợp với các cơ quan liên quan vệ sinh, xử lý chất thải phát sinh từ quá trình vận hành hồ chứa theo quy định.

2. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP), Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và quy định của chính quyền địa phương.

3. Bụi, khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng, nhiên liệu sử dụng là dầu DO không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu sử dụng là dầu DO phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4. Duy trì dòng chảy tối thiểu theo quy định tại Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và hạ lưu các hồ chứa, đập dâng; thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo yêu cầu và quy định tại Quyết định số 188/QĐ-BTNMT ngày 15/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố giá trị dòng chảy tối thiểu ở hạ lưu các hồ chứa, đập dâng của các công trình thủy lợi, thủy điện.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Vận hành công trình, nhà máy theo đúng quy định của pháp luật; đền bù thiệt hại và khắc phục sự cố môi trường nếu xảy ra sự cố trong quá trình hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Bảo đảm sự phù hợp và tuân thủ việc thực hiện các quy hoạch, quy định tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tài nguyên

nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1727/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1701/QĐ-TTg ngày 27/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch có liên quan khác;

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.